

Số: 108/QĐ-ĐHMTHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2024 - 2025  
dành cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định 84/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo Dục;

Căn cứ Quyết định số 3650/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 111/QĐ-ĐHMTHCM ngày 19/6/2024 của Trường Đại học Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xét Học bổng khuyến khích học tập;

Căn cứ Quyết định 263/QĐ-ĐHMTHCM ngày 29/10/2024 của Trường Đại học Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh về việc thay đổi thành viên Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập;

Căn cứ Biên bản số 174/BB-HĐHBKKHT ngày 30/6/2025 của Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập về việc xét học bổng KKHT học kỳ II, năm học 2024 – 2025 dành cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy.

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục và công tác sinh viên.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2024 – 2025 cho 62 sinh viên hình thức đào tạo chính quy (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Trưởng phòng: Hành chính Tổng hợp, Đảm bảo chất lượng giáo dục và công tác sinh viên và các sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, HC.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Văn Duẩn



TRƯỜNG  
BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT  
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

**DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP  
HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-ĐHMTHCM, ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh)

| STT                           | MSSV       | HỌ VÀ TÊN               | LỚP               | TBC ĐIỂM HỌC TẬP | ĐIỂM RÈN LUYỆN | XẾP LOẠI HỌC BỔNG | SỐ THÁNG | SỐ TIỀN   |
|-------------------------------|------------|-------------------------|-------------------|------------------|----------------|-------------------|----------|-----------|
| <b>KHOA MỸ THUẬT TẠO HÌNH</b> |            |                         |                   |                  |                |                   |          |           |
| <b>Ngành Hội họa</b>          |            |                         |                   |                  |                |                   |          |           |
| 1                             | 247103024  | Vòng Thảo Nhi           | Hội họa 1B        | 8.54             | 93             | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 2                             | 1872103033 | Nguyễn Thị Thu Thương   | Sơn dầu 5A        | 8.41             | 83             | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 3                             | 247103048  | Nguyễn Hoàng Thảo Vy    | Hội họa 1B        | 8.33             | 80             | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 4                             | 247103003  | Nguyễn Lan Anh          | Hội họa 1A        | 8.29             | 81             | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 5                             | 237103033  | Đặng Anh Nhi            | Hội họa 2B        | 8.13             | 81             | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 6                             | 1972103021 | Nguyễn Trần Minh Ngân   | Sơn dầu 5A        | 8.27             | 72             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 7                             | 217103031  | Trần Lữ Thanh Thanh     | Lụa 4             | 8.23             | 65             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 8                             | 217103024  | Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên | Sơn dầu 4B        | 8.20             | 69             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 9                             | 237103027  | Trần Lâm Tuyết Nghi     | Hội họa 2B        | 8.15             | 79             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 10                            | 207103041  | Nguyễn Thị Trúc Vy      | Sơn mài 5         | 8.05             | 70             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 11                            | 247103011  | Phạm Thị Hiền           | Hội họa 1B        | 8.00             | 77             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 12                            | 247103028  | Phan Thị Ý Như          | Hội họa 1B        | 8.00             | 79             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| <b>Ngành Đồ họa</b>           |            |                         |                   |                  |                |                   |          |           |
| 13                            | 217104007  | Nguyễn Duy Khánh        | ĐH 4 Tranh truyện | 8.93             | 86             | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |

| STT                                         | MSSV      | HỌ VÀ TÊN        | LỚP    | TBC ĐIỂM HỌC TẬP  | ĐIỂM RÈN LUYỆN | XẾP LOẠI HỌC BỔNG | SỐ THÁNG | SỐ TIỀN |           |
|---------------------------------------------|-----------|------------------|--------|-------------------|----------------|-------------------|----------|---------|-----------|
| 14                                          | 247104027 | Đoàn Huệ         | Mẫn    | Đồ họa 1A         | 8.68           | 81                | Giỏi     | 5       | 7,425,000 |
| 15                                          | 207104006 | Phạm Mai         | Dung   | ĐH 5 Tranh in     | 8.40           | 83                | Giỏi     | 5       | 7,425,000 |
| 16                                          | 247104019 | Lê Thảo          | Linh   | Đồ họa 1A         | 8.13           | 84                | Giỏi     | 5       | 7,425,000 |
| 17                                          | 247104012 | Trương Thị Quỳnh | Giang  | Đồ họa 1A         | 8.09           | 88                | Giỏi     | 5       | 7,425,000 |
| 18                                          | 247104053 | Đinh Ngọc Thanh  | Vân    | Đồ họa 1B         | 8.61           | 70                | Khá      | 5       | 6,750,000 |
| 19                                          | 247104015 | Nguyễn Chí       | Hào    | Đồ họa 1B         | 8.50           | 70                | Khá      | 5       | 6,750,000 |
| 20                                          | 207104004 | Đỗ Thành         | Đạt    | ĐH 5 Tranh truyện | 8.50           | 65                | Khá      | 5       | 6,750,000 |
| 21                                          | 247104047 | Võ Thị Thùy      | Trang  | Đồ họa 1B         | 8.39           | 70                | Khá      | 5       | 6,750,000 |
| 22                                          | 247104049 | Vũ Minh          | Trần   | Đồ họa 1B         | 8.28           | 70                | Khá      | 5       | 6,750,000 |
| 23                                          | 217104012 | Mai Thị Diệu     | Linh   | ĐH 4 Tranh truyện | 8.20           | 78                | Khá      | 5       | 6,750,000 |
| 24                                          | 247104054 | Vũ Quang         | Vinh   | Đồ họa 1A         | 8.15           | 79                | Khá      | 5       | 6,750,000 |
| Ngành Điêu khắc                             |           |                  |        |                   |                |                   |          |         |           |
| 25                                          | 217105007 | Lữ Thanh         | Tuấn   | Điêu khắc 4       | 8.55           | 91                | Giỏi     | 5       | 7,425,000 |
| KHOA LÝ LUẬN VÀ SƯ PHẠM MỸ THUẬT            |           |                  |        |                   |                |                   |          |         |           |
| Ngành Lý luận, lịch sử và phê bình Mỹ thuật |           |                  |        |                   |                |                   |          |         |           |
| 26                                          | 217101003 | Nguyễn Hữu Phúc  | Tân    | LLPMBT 4          | 9.29           | 90                | Xuất sắc | 5       | 8,100,000 |
| 27                                          | 217101005 | Phạm Thị Thanh   | Trúc   | LLPMBT 4          | 8.75           | 93                | Giỏi     | 5       | 7,425,000 |
| Ngành Sư phạm Mỹ thuật                      |           |                  |        |                   |                |                   |          |         |           |
| 26                                          | 217222011 | Nguyễn Phi       | Trường | SPMT 4            | 8.82           | 100               | Giỏi     | 5       | 7,425,000 |
| 29                                          | 227222020 | Lê Quang         | Trường | SPMT 3            | 8.72           | 80                | Giỏi     | 5       | 7,425,000 |
| 30                                          | 227222016 | Tô Thị Thu       | Tâm    | SPMT 3            | 8.73           | 74                | Khá      | 5       | 6,750,000 |
| KHOA MỸ THUẬT ỨNG DỤNG                      |           |                  |        |                   |                |                   |          |         |           |
| 31                                          | 227403060 | Thiều Quỳnh      | Như    | TKTT 3B           | 9.06           | 90                | Xuất sắc | 5       | 8,100,000 |
| 32                                          | 227403026 | Nguyễn Xuân      | Khang  | TKTT 3A           | 8.91           | 87                | Giỏi     | 5       | 7,425,000 |

| STT | MSSV      | HỌ VÀ TÊN           | LỚP    | TBC ĐIỂM HỌC TẬP | ĐIỂM RÈN LUYỆN | XẾP LOẠI HỌC BỔNG | SỐ THÁNG | SỐ TIỀN   |
|-----|-----------|---------------------|--------|------------------|----------------|-------------------|----------|-----------|
| 33  | 227403057 | Nguyễn Lê Xuân      | Nhi    | TKTT 3B          | 8.84           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 34  | 227403028 | Lâm Bảo             | Khanh  | TKTT 3A          | 8.78           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 35  | 227403010 | Huỳnh Trần Uyên     | Anh    | TKTT 3A          | 8.66           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 36  | 217403007 | Hồ Ngọc             | Anh    | TKĐH 4A          | 8.58           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 37  | 217403053 | Hồ Thị Anh          | Nguyệt | TKĐH 4A          | 8.58           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 38  | 217403004 | Dương Thiên         | Ân     | TKĐH 4B          | 8.58           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 39  | 217403085 | Lê Hoàng Ngọc       | Trần   | TKĐH 4B          | 8.58           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 40  | 227403084 | Vũ Trần Anh         | Thy    | TKTT 3B          | 8.53           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 41  | 247403078 | Phạm Trí            | Nguyên | TKĐH 1C          | 8.50           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 42  | 227403038 | Ngô Cẩm             | Ly     | TKTT 3A          | 8.47           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 43  | 227403056 | Nguyễn Minh         | Nhật   | TKTT 3B          | 8.44           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 44  | 217403076 | Lê Hồng             | Thảo   | TKĐH 4A          | 8.35           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 45  | 227403016 | Lê Thanh            | Diệu   | TKTT 3A          | 8.34           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 46  | 227403008 | Vũ Thục             | Anh    | TKTT 3B          | 8.34           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 47  | 217403109 | Đậu Thị Hải         | Yến    | TKĐH 4A          | 8.31           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 48  | 227403027 | Tô Trần Đăng        | Khanh  | TKTT 3A          | 8.28           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 49  | 227403077 | Nguyễn Ngọc Thanh   | Thảo   | TKTT 3A          | 8.28           | Giỏi              | 5        | 7,425,000 |
| 50  | 227403048 | Đặng Hữu            | Nghĩa  | TKTT 3A          | 8.88           | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 51  | 227403002 | Nguyễn Thị Hoàn     | An     | TKTT 3A          | 8.69           | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 52  | 227403036 | Nguyễn Hoàng Phương | Linh   | TKTT 3A          | 8.63           | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 53  | 227403085 | Bùi Hải             | Triều  | TKTT 3A          | 8.63           | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 54  | 227403051 | Lý Kim              | Ngọc   | TKTT 3A          | 8.56           | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 55  | 227403066 | Dương Trần Xuân     | Phúc   | TKTT 3B          | 8.50           | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 56  | 217403074 | Nguyễn Hoàng        | Thanh  | TKĐH 4A          | 8.50           | Khá               | 5        | 6,750,000 |

THẢO  
 TỔNG  
 MỸ THU  
 IH PHỐ  
 HÍ MINH  
 \*

| STT | MSSV      | HỌ VÀ TÊN           | LỚP     | TBC ĐIỂM HỌC TẬP | ĐIỂM RÈN LUYỆN | XẾP LOẠI HỌC BỔNG | SỐ THÁNG | SỐ TIỀN   |
|-----|-----------|---------------------|---------|------------------|----------------|-------------------|----------|-----------|
| 57  | 217403031 | Trương Quốc Hoàn    | TKĐH 4A | 8.46             | 75             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 58  | 227403075 | Trần Thị Thanh Thảo | TKTT 3B | 8.44             | 73             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 59  | 227403015 | Nguyễn Hương Diệu   | TKTT 3A | 8.38             | 78             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 60  | 227403037 | Bùi Diệu Linh       | TKTT 3B | 8.38             | 78             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 61  | 217403051 | Nguyễn Khánh Nguyên | TKTT 3A | 8.31             | 75             | Khá               | 5        | 6,750,000 |
| 62  | 217403035 | Phan Nguyễn Hà Lan  | TKTT 4A | 8.30             | 71             | Khá               | 5        | 6,750,000 |

Danh sách này có 62 sinh viên.